ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 100/2026/QĐ-UBND	*Lâm Đồng, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi và Quy mô thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 115/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 74/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi và Quy mô thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi và Quy mô thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau đây:

a) Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Ủy

ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (cũ) ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi và quy mô thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

b) Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (cũ) về việc sửa đổi, bổ sung Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi và quy mô thủy lợi nội đồng ban hành kèm theo Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND).

c) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cũ) ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

d) Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (cũ) ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu Phú Quý; người đại diện theo pháp luật của các doanh nghiệp, tổ chức được giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử - Sở Nội vụ;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTTT&HN, NNMT (LTT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi và quy mô thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 100 /2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định:

a) Phân cấp quản lý công trình thủy lợi; quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

b) Quy mô thủy lợi nội đồng.

c) Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

2. Đối với công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách nhà nước, việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Việc phân cấp quản lý công trình thủy lợi phải bảo đảm quản lý thống nhất theo hệ thống công trình, phù hợp với phạm vi phục vụ, nhiệm vụ, đặc điểm công trình và điều kiện thực tế của địa phương.

2. Việc phân cấp không làm thay đổi nhiệm vụ, quy mô, kết cấu, chế độ vận hành của công trình và không làm ảnh hưởng đến an toàn công trình, khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Việc quản lý công trình thủy lợi được phân cấp phải gắn với việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Nghị định số 74/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Công trình, hệ thống công trình thủy lợi liên quan đến nhiều đơn vị hành chính cấp xã được quản lý theo hệ thống; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan có trách nhiệm phối hợp trong quản lý, vận hành và bảo vệ công trình theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI; GIAO QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 4. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu Phú Quý (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã)

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý các công trình thủy lợi thuộc một trong các nhóm sau:

a) Công trình thủy lợi nội đồng theo quy mô quy định tại Điều 6 Quy định này.

b) Công trình đê bao, kè sông, kè biển và các công trình thủy lợi khác thuộc danh mục tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

2. Việc phân cấp quản lý công trình thủy lợi cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo khoản 1 Điều này không áp dụng đối với công trình, hệ thống công trình tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 5. Giao quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

1. Công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông và Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ theo danh mục tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này, phù hợp với phạm vi quản lý và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Việc xác định đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ công trình theo khoản này không thay thế việc thực hiện các quy định về phương thức khai thác công trình thủy lợi và phương thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước. Việc lựa chọn, áp dụng phương thức thực hiện phải tuân thủ pháp luật về thủy lợi, pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

2. Công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã được tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ như sau:

a) Tổ chức thủy lợi cơ sở thực hiện quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi nội đồng theo quy định của pháp luật.

b) Đối với công trình đê bao, kè sông, kè biển và các công trình thủy lợi khác thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã theo danh mục tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này, Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc tổ chức lựa chọn đơn vị, tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện thực hiện quản lý, khai thác và bảo vệ công trình theo thẩm quyền và quy định pháp luật có liên quan.

Chương III

QUY MÔ THỦY LỢI NỘI ĐỒNG VÀ ĐIỂM GIAO NHẬN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THỦY LỢI

Điều 6. Quy mô thủy lợi nội đồng

1. Quy mô thủy lợi nội đồng được xác định theo diện tích tưới, tiêu thiết kế của khu vực tưới, tiêu và theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

2. Đối với địa bàn miền núi: quy mô thủy lợi nội đồng có diện tích tưới, tiêu thiết kế nhỏ hơn hoặc bằng 50 ha.

3. Đối với địa bàn thuộc vùng duyên hải miền Trung, Tây Nguyên: quy mô thủy lợi nội đồng có diện tích tưới, tiêu thiết kế nhỏ hơn hoặc bằng 200 ha.

4. Việc xác định địa bàn miền núi thực hiện theo quy định của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Việc xác định quy mô thủy lợi nội đồng đối với từng khu vực cụ thể căn cứ hồ sơ thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hiện trạng công trình, phạm vi phục vụ tưới, tiêu và các yếu tố có liên quan.

6. Trường hợp tổ chức thủy lợi cơ sở đáp ứng điều kiện năng lực và có nhu cầu mở rộng quy mô thủy lợi nội đồng thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

1. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi được xác định phù hợp với quy mô thủy lợi nội đồng, phạm vi quản lý công trình, phạm vi cung cấp và sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và điều kiện thực tế của hệ thống công trình.

2. Tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi có trách nhiệm phối hợp xác định cụ thể vị trí điểm giao nhận theo quy định của pháp luật.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Chủ trì rà soát, cập nhật danh mục công trình thủy lợi thuộc Phụ lục I và Phụ lục II; trường hợp có thay đổi về công trình, phạm vi phục vụ, đối tượng quản lý hoặc yêu cầu quản lý thì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh theo thẩm quyền.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra việc thực hiện phân cấp quản lý công trình thủy lợi theo Quy định này; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến công trình, hệ thống công trình thủy lợi liên xã theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Chủ trì tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tiếp nhận, tổ chức quản lý các công trình thủy lợi được phân cấp theo Quy định này và theo quyết định giao tài sản, quyết định giao quản lý của cơ quan có thẩm quyền.

2. Kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường về các công trình có thay đổi về hiện trạng, quy mô, nhiệm vụ, phạm vi phục vụ hoặc phát sinh yêu cầu quản lý cần xem xét điều chỉnh phân cấp.

3. Tổ chức kiểm tra, phát hiện và xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi theo thẩm quyền.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và cập nhật thông tin, dữ liệu về công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; định kỳ báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và không được phân cấp tiếp nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được phân cấp.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác và bảo vệ công trình

1. Tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi có trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình theo đúng phạm vi, nhiệm vụ và phương án khai thác theo quy định tại Điều 5 Quy định này, được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận; bảo đảm việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức thủy lợi cơ sở và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quản lý, vận hành, bảo vệ công trình; kịp thời trao đổi thông tin về tình hình vận hành, hiện trạng công trình và các nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn công trình, khả năng phục vụ sản xuất và dân sinh.

3. Thực hiện bàn giao, tiếp nhận, quản lý hồ sơ, tài liệu, dữ liệu và các nội dung có liên quan đến công trình theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; phối hợp trong việc kiểm kê, rà soát hiện trạng và xác định phạm vi quản lý công trình khi có yêu cầu.

4. Khi phát hiện công trình có nguy cơ mất an toàn, hư hỏng hoặc phát sinh sự cố vượt quá khả năng xử lý, phải kịp thời thực hiện các biện pháp cần thiết trong phạm vi trách nhiệm và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền, chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan để phối hợp xử lý.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

1. Sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đúng mục đích, phạm vi và yêu cầu kỹ thuật; phối hợp với tổ chức, cá nhân khai thác công trình trong việc xác định nhu cầu sử dụng nước, thời gian cấp, tiêu nước và điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Phối hợp với tổ chức, cá nhân khai thác công trình và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc điều hòa, phân phối nước, tiêu nước, xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

3. Kịp thời thông báo cho tổ chức, cá nhân khai thác công trình hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã khi phát hiện công trình, kênh, mương, thiết bị hoặc khu vực thuộc phạm vi phục vụ có dấu hiệu hư hỏng, mất an toàn hoặc ảnh hưởng đến việc cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

4. Phối hợp xác định, duy trì và bảo vệ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định tại Điều 7 Quy định này; không tự ý thay đổi vị trí, kết cấu hoặc phương thức vận hành công trình có ảnh hưởng đến việc cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

5. Thực hiện đầy đủ các thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Tài chính

a) Tham mưu phân bổ kịp thời kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của địa phương hàng năm theo đúng quy định.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn để thực hiện đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quản lý, bảo vệ công trình thủy lợi có liên quan đến công trình xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thoát nước và các công trình khác theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành.

b) Phối hợp kiểm tra, rà soát việc bảo đảm an toàn đối với các công trình xây dựng có liên quan đến công trình thủy lợi; kịp thời trao đổi, cung cấp thông tin và phối hợp xử lý các trường hợp có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn công trình thủy lợi, khả năng vận hành, tiêu thoát nước và phòng, chống thiên tai theo thẩm quyền.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc thẩm định, cho ý kiến hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan đến công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan.

3. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn công trình, phòng, chống thiên tai, ứng phó và khắc phục hậu quả sự cố công trình theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

b) Khi xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố công trình thủy lợi, phối hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai các biện pháp ứng phó, bảo đảm an toàn về người và tài sản, hạn chế thiệt hại và khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật./.